

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNX50

Số/No.: 629/2019/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2019
Hanoi, 25 December 2019

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNX50
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSV50
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: 24/12/2019
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 lot of ETF = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	ACB	2,200	4.0%
2	BVH	100	0.6%
3	CII	300	0.5%
4	CTD	50	0.2%
5	CTG	430	0.7%
6	DHG	10	0.1%
7	DXG	560	0.6%
8	EIB	1,520	2.1%
9	FLC	820	0.3%
10	FPT	790	3.5%
11	GAS	130	1.0%
12	GEX	590	0.9%
13	GMD	360	0.7%
14	HBC	230	0.2%
15	HCM	170	0.3%
16	HDB	1,000	2.1%
17	HPG	2,410	4.4%
18	HSG	370	0.2%



Quil

19	KBC	510	0.6%
20	MBB	1,990	3.3%
21	MSN	680	2.8%
22	MWG	410	3.6%
23	NLG	190	0.4%
24	NVL	540	2.4%
25	PDR	180	0.4%
26	PLX	150	0.7%
27	PNJ	250	1.7%
28	POW	680	0.7%
29	PVD	290	0.3%
30	PVS	300	0.4%
31	REE	240	0.7%
32	ROS	330	0.6%
33	SAB	100	1.9%
34	SBT	410	0.6%
35	SHB	1,400	0.7%
36	SSI	440	0.6%
37	STB	2,620	2.1%
38	TCB	3,300	6.1%
39	TCH	280	0.7%
40	TPB	720	1.2%
41	VCB	430	3.1%
42	VCG	100	0.2%
43	VCS	100	0.6%
44	VGC	200	0.3%
45	VHM	1,210	8.1%
46	VIC	1,120	10.3%
47	VJC	380	4.3%
48	VNM	990	9.3%
49	VPB	2,450	3.8%
50	VRE	1,520	4.0%
II	Tiền/Cash (VND)	10,084,479	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value:*

+ Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value	1,243,181,700 VND
+ Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value per lot of ETF	1,253,266,179 VND
+ Giá trị chênh lệch/ Cash Component	10,084,479 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / *Options to Investors:*

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer Cash Component*

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order* : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT	Mã Chứng Khoán	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	BVH	72,000	BVSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
2	SSI	18,350	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch <i>Treasury stock not yet registered for trading</i>
3	VCB	90,900	VCBS	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC <i>Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC</i>
4	ACB	22,800	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
5	FPT	56,100	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
6	GMD	24,300	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
7	MBB	21,050	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
8	MWG	111,000	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
9	NLG	26,850	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>
10	PNJ	84,700	Nhà đầu tư nước ngoài <i>/ Foreign Investor</i>	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa <i>/ The stock reaches foreign ownership limit</i>



Handwritten signature

11	REE	35,500	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
12	TCB	23,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
13	TPB	21,000	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
14	VPB	19,350	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 24/12/2019	Kỳ trước/Last Period 23/12/2019	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	0	0	0
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	14,200,000	14,200,000	0
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Close price	12,570	12,570	0
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	177,963,797,441	178,096,755,670	-132,958,229
của 1 lô CCQ ETF/ per lot	1,253,266,179	1,254,202,504	-936,325
của 1 CCQ/ per Share	12,532.66	12,542.02	-9.36
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,421.67	1,419.50	2.17

Đại diện tổ chức

Organization representative



Tô Thùy Linh
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC